



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LUONG VAN HIEN
Last Middle First

Current Address: 390/101 Nguyễn Đình Chiểu F.07. Q.3 TP HCM

Date of Birth: 08/22/40 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/21/75 To 01/28/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: LUONG VAN NANG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV 0

Date: 2-11-1996
Ngày: _____



Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào sổ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi sổ câu hỏi này tới:

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LIÊM-VĂN-HIẾN Sex: MALE
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : no
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 22-8-1960 SAIGON
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-trú : 390/101 NGUYỄN-DÌNH-CHAU FTG -
HO CHI MINH CITY
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 390/101 NGUYỄN-DÌNH-CHAU FTG -
HO CHI MINH CITY
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : no job

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. LIÊM-TÂM-HOÀI	22-11-1960	SAIGON	MALE	SINGLE	CHILDREN
2. LIÊM-THIỆN-ĐĂNG	15-11-1971	SAIGON	MALE	SINGLE	CHILDREN
3. LIÊM-THỊ-ĐẠT	10-12-1972	SAIGON	MALE	SINGLE	CHILDREN
4. LIÊM-PHẠM-THU-LỘC	3-6-1974	SAIGON	FEMALE	SINGLE	CHILDREN
5. PHẠM-THỊ-THƯỜNG	4-9-1965	SAIGON	FEMALE	DIVORCED	WIFE
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ, Tên ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative in the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: <u>LIÔNG-VĂN-NĂNG</u>	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: <u>BROTHER</u>	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: <u>24-9-1973</u>	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	: <u>LIÔNG-VĂN-THIỆT (1905)</u>
2. Mother Mẹ	: <u>TRẦN-THỊ-MƯỜI (1911)</u>
3. Spouse Vợ/Chồng:	: <u>PHẠM-VĂN-LIÔNG (1913)</u>
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	
5. Children Con cái:	(1) <u>LIÔNG-TÂN-HOÀI (1965)</u> (2) <u>LIÔNG-THÂN-BÁNH (1971)</u> (3) <u>LIÔNG-TÂN-SAT (1972)</u> (4) <u>LIÔNG-PHẠM-THỊ-LỘC (1974)</u> (5) _____ (6) _____ (7) _____ (8) _____ (9) _____
6. Siblings Anh chị em:	(1) <u>LIÔNG-VĂN-THIỆT (1905) SAGON BROTHER</u> (2) <u>LIÔNG-VĂN-TRÍ (1906) SAGON BROTHER</u> (3) <u>LIÔNG-XUÂN-HỒNG (1947) SAGON SISTER</u> (4) <u>LIÔNG-VĂN-NĂNG U.S. (1)</u> (5) _____ (6) _____ (7) _____ (8) _____ (9) _____

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có liên việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LIEUTENANT - VÂN - HIEN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 15-2-1968 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : LIEUTENANT Serial Number: 604-22660
Số thẻ nhân-viên: 27307

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : TRAINING CENTER FIELD FORCE POLICE SALAT

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : LIEUTENANT COLONEL NGUYEN-GIAC PHUC

SUBJECT - Request for immigration to the USA under the Orderly Departure Program. U.S.A.

I under signed

LUÔNG-VĂN-HIỆN

Date and place of birth 22-8-1940 SAIGON

Nationality VN.

Family status WAS MARRIED AND DIVORCED (1981), AND 4 CHILDRENS

Education FACULTY OF LAW SAIGON Sex MALE

Home address 390/101 NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU FT Q3 HO-CHI-MINH CITY

Permanent address 390/101 NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU FT Q3 HO-CHI-MINH CITY

Before April 1975 WAS MILITARY AND NATIONAL POLICE OFFICER

Rank LIEUTENANT Serial number 60A 138860

Occupation LEADER COMPANY FIELD FORCE POLICE

Unit KONTUM - BIEN HOA COMPANY - HEADQUARTER NATIONAL POLICE SAIGON

After 30-4-75 WAS PRISONER (21-6-75)

Camp from CAM LAY - VƯỜN ĐÀO - THẮT SƠN to VƯỜN ĐÀO - MỘC HÓA - XUYỀN MỘC.

Release from camp XUYỀN MỘC 28-1-1981.

Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your organisation and the spirit of humanitarian act.

Wish to request your assistance and intervention with the Government of the Socialist Republic of VN. In order that I and my family may be authority to leave VN. under arrangement and protection act under the Orderly Departure Program (ODP) and to immigrate to the USA for the purpose of asking an new.

Following are my relatives to be evacuated with me to USA.

FULL NAME	SEX	DATE AND PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP	ADDRESS
LUÔNG-TÂM-HOÀI	MALE	20-11-1965 SAIGON	BOY	390/101 NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU Q3
LIỄNG-THIỆN-BĂNG	MALE	12-4-1971 SAIGON	BOY	- " - HO-CHI-MINH CITY
LUÔNG-TÂN-DAT	MALE	19-12-1972 SAIGON	BOY	107 VUA TRAI CÂY BẾN CHUÔNG
LIỄNG-THAM-THU-LOOC	FEMALE	3-6-1974	GIRL	ĐƯỜNG Q1 HO-CHI-MINH CITY
/	/	/	/	/

Your appreciated on the above to help me though. Your humanitarian act will be highly appreciated.

Respectful yours,



LUÔNG-VĂN-HIỆN

TRÍCH SAO QUYẾT ĐỊNH THUẬN TÌNH LY HÔN

Tại quyết định số 104/UNTĐ ngày 26 tháng 10 năm 1981
của Tòa Án Nhân Dân Quận 3 thành Phố Hồ-Chí-Minh, về việc thuận
tình ly hôn giữa :

Một bên là : Ông LƯƠNG-VĂN-HIỆN 41 tuổi
Trụ quán : 390/101 Nguyễn-Đình-Chiếu
Nghề nghiệp : Chưa có.

Bên kia là : Bà PHẠM-THỊ-HƯƠNG 37 tuổi
Trụ quán : 390/101 Nguyễn-Đình-Chiếu
Nghề nghiệp : Buôn bán.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH.

QUYẾT - ĐỊNH

1/ Về quan hệ vợ chồng : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa
Ông LƯƠNG-VĂN-HIỆN và Bà PHẠM-THỊ-HƯƠNG

2/ Về con chung : Công nhận sự thỏa thuận giữa đôi bên Bà HƯƠNG
giữ nuôi 03 trẻ tên Lương-Tâm-Hoài (1965) Lương-Tân-Lạt (1972)
Lương-Phạm-Thụ-Lộc (1974) Ông HIỆN giữ nuôi trẻ Lương-Thiên-Bằng
(1971) Ông HIỆN góp phí tôn nuôi con mỗi tháng 60 đồng kể từ khi
an có hiệu lực cho đến khi trẻ trưởng thành 18 tuổi và hai bên
được quyền thăm viếng chăm sóc con cái.

Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay
đổi việc nuôi giữ hoặc việc góp phần vào phí tôn nuôi nâng giáo dục con chung.

3/ Tài sản chung : Cả hai khai không có gì giải quyết.

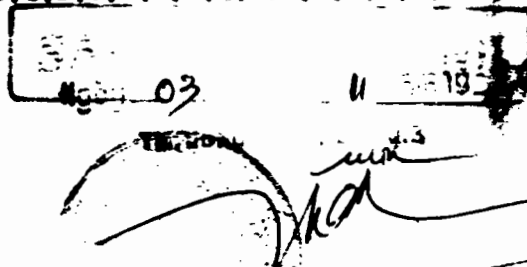
Án phí khai là 10 đồng mỗi bên chịu 5 đồng.
Quyết định có giá trị như 1 bản án.

THẨM PHÁN (đã ký)
ĐỒNG-THỊ-ÁNH

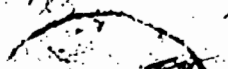
TRÍCH SAO BẢN CHÁNH

TP. Hồ-chí-Minh ngày 24 tháng 6 năm 1986
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3

Thẩm Phán DUONG-NGOC-LIEN (đã ký)



H. THANH PHO - HO CHI MINH
 BAN QUAN LY NGUOC NTC - DUNG VO
 LA PHU DIEN: 33 Nguoi A. 1881
 12 Thang Ke tu ngay
 den trunh dien




Hieu ta: ve cam

đến Trùm dùm
CH.F.F

ngày 29/10/81
T.B. CH.

[Signature]

Trùm Ảnh Trùm

29/10/81

Xác nhận

Đã được xử lý

Trích biên T. B. CH. F. F.

Ngày 18/9/81

T. B. CH. F. F.

pho 6au 55



Lê Hồng Hiệp

ROYAL MALAYSIA POLICE

THIS IS CERTIFY THAT INSPECTOR LƯƠNG-VAN-HIỂN
OF SOUTH VIET-NAM HAS SUCCESSFULLY COMPLETED A JUNGLE WARFARE COURSE
AT THE POLICE FIELD FORCE TRAINING SCHOOL KROH, PERAK MALAYSIA,
FROM 24-5-67 TO 14-7-67.

--/)--

(PRINTAN SINCH GILL, A/DSP, AMN)
COMMANDANT,
POLICE FIELD FORCE TRAINING SCHOOL,
KROH (signed)
MALAYSIA.

(MOHD SAMANI BIN SAMAH) KMN
COMMANDER
POLICE FIELD FORCE
IPOH. (signed)

Sao y bản chính

TRUNG-TAM HUÂN LUYỆN CANH-SẮT DÃ-CHIẾN DÃ-LẠT

Ngày 16 tháng 12 năm 1974

TL, CHỈ-HUY TRƯỞNG TTHL/CSDC DÃ-LẠT
CHỈ-HUY PHÓ

Thiếu tá CẢI-VIỆT-PHÁP (ấn ký)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

SAIGON

(NAM-PHÂN)
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 4563
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRẦN VĂN HIỂN
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	22/8/1940
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Saigon rue Boresso No 124
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	//
Cha làm nghề gì (Sa profession)	//
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	//
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần thị Mùi
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Commerçante
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon ruelle Colinel Grimaud
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	//

Chúng tôi
Nous

được Chánh-án Tòa Saigon u.n.

Président du Tribunal

chứng cho hợp - pháp chữ ký của

Certifions l'authenticité de la signature de

ông

M.

Chánh Lục-sự Tòa-án Sở tại.

Greffier en chef dudit tribunal

Saigon, ngày 197

T.U.N. CHÁNH-ÁN,

(LE PRÉSIDENT)

THẨM-PHÁN,

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày 12/8/1971 197
KT CHÁNH LỤC-SỰ, SANG./10
(LE GREFFIER EN CHEF)

TRAN THI CANH

Giá tiền : 15\$

(Coût)

Biên-lai số 2852

(Quittance No)

Reconnu le 19/12/1941 à Saigon (Cochinchine) par LUONG VAN THIET
avec les nom et prénoms de Luong Van Hien ./.

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (1965)



TÂM HOÀI

Tên, họ đứa nờ	Lương, tâm Hoài
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi tháng mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm, 9 giờ
Nơi sanh	Saigon, 124 Bac Si Yersin
Tên, họ người Cha	Lương văn Hiến
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	Buôn bán
Nơi cư-ngụ	Saigon, 109/F-8/13 Van Don
Tên, họ người mẹ	Phạm thị Hương
Tuổi	Hai mươi
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 109/F-8/13 Van Don
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

MIỄN LỆ-Phi
HỘ-SỞ HẠ-PH CHÁNH

Lâm tại Saigon, ngày 24 tháng 11 năm 1973

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 20 tháng 4 năm 1973

T. L. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 2

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ THÀNH SAIGON

Quận: BA

PHƯỜNG XXXXX

Số hiệu: 2553



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 14 tháng 4 năm 1971

Tên họ đứa trẻ. . . .	Trương Xuân Đăng
Con trai hay con gái. .	nam
Ngày sinh.	Mười hai tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sinh.	Saigon 75 Cao Thắng
Tên họ người cha. . .	Trương Văn Hiền
Tên họ người mẹ. . .	Phạm Thị Hương
Vợ chánh hay không có hôn-thứ. . . .	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Lê Thị Bích Thủy

MIỄN LỆ PHÍ
Số 18-Sở Hộ-Hộ

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH
Saigon, ngày 10 tháng 4 năm 1971
Viên-Chức Hộ-Tịch,

[Signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Ba

Lập ngày 23 tháng 12 năm 1972

PHƯỜNG

Số hiệu 5333



Tên họ đứa trẻ	Lương Tấn Đạt
Con trai hay con gái . .	Nam
Ngày sanh	mười chín tháng, mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Nơi sanh	Saigon 115 Bến Văn Lớn
Tên họ người cha . . .	Lương Văn Hiến
Tên họ người mẹ . . .	Phạm Thị Hương
Vợ chánh hay không có hôn-thứ	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai	Trần Thị Chơí

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH T/6

Saigon, ngày 19 tháng 4 năm 1973

Tên Viên-Chức Hộ-Tịch,
Chức vụ Phong-Hành chánh

MIỄN LỆ PHÍ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 7
PHƯỜNG: 15-Nhon

Lập ngày 7 tháng 6 năm 1974

Số hiệu: 437



Tên họ đứa trẻ.	LƯƠNG-PHAI-THU-LỘC
Con trai hay con gái. . .	Nữ
Ngày sinh.	Ba tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn
Nơi sinh.	Sài Gòn, 115 Tôn-văn-Pôn
Tên họ người cha.	LƯƠNG-VĂN-HIỆN
Tên họ người mẹ.	PHẠM-THỊ-MƯƠNG
Vợ chính hay không có hôn-thu.	Vợ-chính
Tên họ người đứng khai.	LÊ-THỊ-LỆ

TRÍCH-LỤC Ý BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 10 tháng 6 năm 1974
Viên-Chức Hộ-Tịch, Phạm-Tường

1274

Đã đọc PHẠM-TƯỜNG

FROM: NANG LUONG

DEC 18 1986

TO: ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

P.O BOX 5435 ARLINGTON

V.A 22205 - 0635

U.S.A

